

Khám phá

- HS nhóm đôi **quan sát** hình ảnh, **đọc để tìm hiểu** nội dung.
- Các em **chia sẻ**:
 - + 5 cm dài khoảng mấy đốt ngón tay em?
 - + Độ nặng của 2 g? (khoảng 10 hạt đậu đen)

MI-LI-LÍT

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết đơn vị đo dung tích: mi-li-lít – tên gọi, kí hiệu, độ lớn, cách đọc, cách viết.
- Nhận biết quan hệ giữa mi-li-lít và lít, chuyển đổi, tính toán với các đơn vị lít và mi-li-lít.
- Làm quen với dụng cụ đo dung tích.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến dung tích.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bình có vạch chia ml, chai 1 l.

HS: Một số đồ vật (chai hoặc hộp 1 l, hộp sữa, bình nước, ...) dùng cho Cùng học và Thực hành 2.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu đơn vị đo dung tích: mi-li-lít

a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện đơn vị đo chuẩn

- Nhóm bốn HS dùng hai vật, chẳng hạn chai 1 l và li nước, so sánh xem vật nào đựng được nhiều nước hơn, vật nào đựng được ít nước hơn.
- HS **quan sát, nhận xét**:
 - + Chai đựng được nhiều hơn li.
 - + Li đựng được ít hơn chai.
- GV: Chai đựng được bao nhiêu? (1 l – có ghi trên chai)
- GV: Li đựng được bao nhiêu? (ít hơn chai)
- GV: Muốn biết li đựng được cụ thể bao nhiêu, ta phải dùng một đơn vị bé hơn đơn vị lít, đó là đơn vị mi-li-lít.

b) Giới thiệu đơn vị đo dung tích

- Mi-li-lít là một đơn vị đo dung tích (cả thế giới đều dùng), GV viết trên bảng.
- Mi-li-lít viết tắt là ml (GV viết).
 - + GV chỉ vào ml, HS **đọc** mi-li-lít.
 - + GV viết: 1 ml, 10 ml, 100 ml, 500 ml (HS **đọc**).
- GV viết: 1 000 ml = 1 l (HS **đọc**).
- GV sử dụng dụng cụ lấy thuốc và 1 muỗng nhỏ:
 - + Nhỏ ra muỗng khoảng 20 giọt nước màu.
 - + HS các tổ **quan sát** lượng nước trong muỗng (cơ sở để nhận biết độ lớn của 1 ml).(Nếu không có dụng cụ trên, GV có thể thay thế bằng ống hút được gấp lại để kín một đầu.)

Mi-li-lít là một đơn vị đo dung tích.

Mi-li-lít viết tắt là ml.

$$1000 \text{ ml} = 1 \text{ l}$$

2. Thực hành

Bài 1:

- GV giới thiệu bình có vạch chia mi-li-lít và cách xác định lượng nước trong bình.
- HS **thực hành**.
 - + Theo tổ nếu mỗi tổ có bình chia mi-li-lít (đổ nước vào bình theo yêu cầu của GV, chẳng hạn: 500 ml).
 - + Theo nhóm đôi, sử dụng SGK (nếu không có bình chia mi-li-lít).

Bài 2:

Các nhóm thực hành theo các vật dụng đã chuẩn bị (những vật này có ghi dung tích vật trên bao bì).

- HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết** việc cần thực hành.
 - Nhóm bốn **đọc** cho nhau nghe rồi **chia sẻ** với các nhóm khác.
 - Một vài nhóm đại diện **trình bày** trước lớp.
- (HS chỉ vào dòng chữ ghi dung tích trên bao bì và **nói**, chẳng hạn: *Hộp sữa này chứa 220 ml.*)

Bài 3:

- HS **thực hành** theo nội dung trong SGK.
 - + Nếu có đủ bình chia mi-li-lít, HS hoạt động theo tổ.
 - + Nếu không đủ bình chia mi-li-lít, HS đại diện thực hành trước lớp.
- HS có thể **thực hành** tại nhà theo nội dung trên: dùng chai 1 l và li nước thường uống.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm bốn.
 - Sửa bài, HS **giải thích** cách làm, HS có thể làm theo các cách khác nhau (xem bài gam).
- a) $3 \text{ l} = 3000 \text{ ml}$ b) $2000 \text{ ml} = 2 \text{ l}$ c) $1 \text{ l } 500 \text{ ml} = 1500 \text{ ml}$
 $7 \text{ l} = 7000 \text{ ml}$ $5000 \text{ ml} = 5 \text{ l}$ $3600 \text{ ml} = 3 \text{ l } 600 \text{ ml}$

Bài 2:

- HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: thay ? bởi đơn vị đo l hay ml.

- HS **thảo luận**, **tìm** cách thực hiện, GV lưu ý HS dựa vào cảm nhận sức chứa của 1 ml, 1 l đã thực hành (muỗng chứa khoảng 20 giọt nước, bình chia mi-li-lít, chai nước 1 l).

- Sửa bài, HS **trình bày** suy luận của nhóm, chẳng hạn:

a) 5 ml (dựa vào muỗng chứa khoảng 20 giọt nước).

b) 500 l (500 ml chưa được 1 l, đây là bình chứa nước sinh hoạt).

c) 500 ml (chai nửa lít).

Bài 3:

- HS nhóm đôi **đọc** yêu cầu.

- HS **thảo luận** và **thực hiện**.

- Sửa bài, HS **trả lời** và **giải thích** cách làm (đếm thêm từng *trăm mi-li-lít* hoặc làm phép tính).

Vân cần uống thêm 1 l nước nữa.

Tuấn cần uống thêm 1 200 ml nước nữa.

- GV nhắc HS mỗi ngày cần uống khoảng 2 l nước.

Bài 4:

- HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết** việc cần làm.

- HS **thảo luận** (nhóm bốn), **tìm** cách thực hiện.

- Sửa bài, HS các nhóm **trình bày**, **giải thích** cách suy luận.

Các em có nhiều cách giải thích, tuy nhiên GV có thể giúp các em nhận ra cách thuận tiện:

+ Có bốn số 900, 700, 800, 600.

+ Để có hai tổng bằng nhau, một tổng gồm số lớn nhất và bé nhất, tổng kia gồm hai số còn lại.

A và D ($900\text{ ml} + 600\text{ ml} = 1\,500\text{ ml}$); B và C ($700\text{ ml} + 800\text{ ml} = 1\,500\text{ ml}$).

Khám phá

- HS nhóm đôi **quan sát** hình ảnh, **đọc để tìm hiểu** nội dung.

- Các em **ghi nhớ**, coi đây là những kiến thức cơ bản tạo điều kiện gắn kết Toán và cuộc sống.

NHÂN SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Khái quát hoá việc nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lần và nhớ không liên tiếp).

- Thực hiện tính nhẩm, tính giá trị của biểu thức, sử dụng mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán các số đo đại lượng.